

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Ca

Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2024/TLST - HNGĐ n... tháng 5 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1993

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu Q**, sinh năm 1986

Đều có địa chỉ: **Khu dân cư Đ, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị **H**: Ông **Đặng Thái L**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.**

Chị **H**, anh **Q**, ông **L** đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị **H** và anh **Q** kết hôn ngày 19/11/2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường H, thị xã C (nay là thành phố C, tỉnh Hải Dương)**. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về sinh sống tại gia đình nhà anh **Q**. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2023, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị **H** là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ý kiến từ việc làm ăn kinh tế đến chăm sóc, nuôi dạy con cái. Anh **Q** đi làm nhưng không đưa hết tiền cho chị **H**, chỉ đưa số tiền nhỏ để chị chi tiêu sinh hoạt gia đình, chi phí nuôi con, còn lại anh **Quảng G** và thường xuyên tra hỏi chị về việc tiền nong chi tiêu. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào tháng 4 năm 2024, chị **H** có đọc được tin nhắn của anh **Q** tâm sự, tán tỉnh người phụ nữ khác. Chị có tra hỏi thì vợ chồng xảy ra cãi cọ, anh **Q** chửi bới, xúc phạm chị. Thêm vào nữa, bố mẹ đẻ anh **Q** bên vực anh **Q**, còn tố ngược lại chị ngoại tình, trai gái nên mối quan hệ trong gia đình thường bất hòa. Đến tháng 6 năm 2024, vợ chồng lại xảy ra cãi nhau, anh **Quảng Đ** chị đi nên từ đó chị không sinh sống cùng anh **Q** nữa. Nay chị kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh **Q**. Theo anh **Q**, mâu thuẫn vợ chồng là do chị **H** không chí thú công việc gia đình, thường nhắn tin với người đàn ông khác. Tiền nong anh gửi về nuôi con, chị **H** chi tiêu gì anh không nắm được. Nay chị **H** bỏ ra ngoài sinh sống, dù anh và gia đình anh không đuổi. Bản thân anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị **H** kiên quyết không về sinh sống cùng anh thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là **Trần Thảo V**, sinh ngày 20/02/2016 và **Trần Anh T**, sinh ngày 13/8/2018. Nếu vợ chồng ly hôn, chị **H** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Trường hợp chị **H** không được nuôi cả 2 con chung thì chị đề nghị được nuôi cháu **Trần Anh T**, vì cháu còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Chị **H** đồng ý giao cháu **V** cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện tại, chị làm công nhân ở Công ty da, thu nhập hàng tháng là 6.000.000đồng. Thời gian làm việc hành chính, có hôm tăng ca 1-2 tiếng/1 ngày.

Quan điểm của anh **Q**: Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện tại, anh làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng là 12.000.000đồng, thời gian làm việc hành chính. Hai cháu ở với anh và ông bà nội từ nhỏ. Ông bà thường xuyên hỗ trợ anh trong việc đưa đón, chăm sóc các cháu. Hiện, anh vẫn ở cùng khuôn viên đất với ông bà, đủ điều kiện để đảm bảo cho các cháu ăn học, phát triển bình thường.

Về tài sản chung, nợ: Chị **H** và anh **Q** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bà **N**- mẹ anh **Q**, bà **H1**- mẹ đẻ chị **H** thể hiện: Anh **Q** và chị **H** kết hôn năm 2014, được hai gia đình tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại gia đình anh **Q**. Theo bà

N, thời gian anh Q và chị H sinh sống tại gai đình bà, anh Q đi làm xa. Ông bà thường xuyên hỗ trợ anh chị việc trông nom, đưa đón hai cháu. Bà có nghe dư luận chị H có quan hệ với người đàn ông khác, bà khuyên can nhưng chị H kiên quyết không nghe, đi ra ngoài thuê nhà ở. Giữa ông bà và chị H không xảy ra mâu thuẫn gì, ông bà đề nghị Tòa án hòa giải anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông bà vẫn hỗ trợ anh Q trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Theo bà H1, chị H có tâm sự vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2023, chị H ra ngoài thuê nhà sinh sống. Bà nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ nhưng chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết xin ly hôn anh Q, bà tôn trọng quan điểm và quyết định của chị H. Nếu anh chị ly hôn, chị H có nói nguyện vọng với bà là mong muốn nuôi dưỡng cháu Trần Anh T, sinh ngày 13/8/2018 vì cháu còn nhỏ, cần có sự quan tâm, săn sóc của mẹ. Cháu V lớn hơn thì giao cho anh Q. Nếu chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, gia đình bà tạo điều kiện tốt nhất về vật chất, tình cảm, chỗ ăn ở, sinh hoạt học hành đảm bảo cho mẹ con chị H.

Tại biên bản xác minh khu dân cư Đ- phường H thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương, anh Quảng thường phải đi làm xa. Chị H ở nhà cũng thường xuyên phải đi làm nên con chung của anh chị phần lớn do ông bà nội chăm sóc, đưa đón đi học. Chị H đi làm, tối mới về với các con. Việc anh chị mâu thuẫn, cãi cọ không trình báo với khu dân cư. Nay chị H xin ly hôn anh Q và tranh chấp về nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh Q đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Trần Hữu Q. Về con chung: Giao con chung là Trần Thảo V, sinh ngày 20/02/2016 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Trần Anh T, sinh ngày 13/8/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Hoàng Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Hữu Q có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị H, anh Q đều được triệu tập hợp lệ, đều vắng mặt. Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Hữu Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn vì lý do kinh tế, sinh hoạt hằng ngày và nghi ngờ tình cảm, không tin tưởng ở nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà chị H bỏ ra ngoài thuê nhà sinh sống, không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Anh Q mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Thực tế, anh chị không còn sinh sống, không còn tôn trọng, tin tưởng ở nhau. Xét quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Thảo V, sinh ngày 20/02/2016 và Trần Anh T, sinh ngày 13/8/2018.

Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Chị H và anh Q đều có điều kiện về cơ sở vật chất và khả năng chăm sóc con như nhau. Từ nhỏ cho đến nay, hai cháu vẫn sinh sống cùng anh Q, chị H tại gia đình bà N. Chị H đi làm Công ty, anh Q đi làm xa. Gia đình bà N-mẹ đẻ anh Q và gia đình bà H1- mẹ đẻ chị H đều quan tâm, đồng ý hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng của cháu V muốn sinh sống cùng chị H. Tuy nhiên, cháu V đã lớn, tự chăm sóc được bản thân. Cháu T còn nhỏ, cần có mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc giao anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và đảm bảo việc tiếp tục sinh sống, học hành, phát triển bình thường của các cháu. Do chị H và anh Q mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị **H** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị H**.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị H** ly hôn anh **Trần Hữu Q**.

- Về con chung: Giao con chung là **Trần Thảo V**, sinh ngày 20/02/2016 cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là **Trần Anh T**, sinh ngày 13/8/2018 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận nào khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

Chị **H**, anh **Q** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị **H** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004019 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương(do chị **Đặng Thị Ngọc T1** nộp thay).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương